

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường Tiểu học Phước Vĩnh An
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 24 tháng 02 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Phước Vĩnh An khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

DV tính: đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.662.335.829	6.428.497.338	113,53%	225,55%
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.662.335.829	6.428.497.338	113,53%	225,55%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.2					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.662.335.829	6.428.497.338	113,53%	225,55%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.016.310.000	4.219.578.077		
	-Nguồn 13	4.016.310.000	3.816.310.000		

	-Nguồn 14 tự chủ (Chi cân đối CCTL chi tính gián biên chế		403.268.077		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.646.025.829	2.208.919.261		
	- Kinh phí chi tính gián biên chế	424.284.646	424.284.646		
	- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ03	995.603.000	1.584.796.812		
	- Kinh phí khuyết tật	82.519.000	70.511.986		
	- Kinh phí Trợ cấp tết	39.000.000	39.000.000		
	- Kinh phí phụ cấp thu hút y tế	5.400.000	5.400.000		
	- Kinh phí miễn giảm 2 buổi	3.150.000	3.150.000		
	- Kinh phí HTCP học tập	36.450.000	36.450.000		
	- Kinh phí phụ trội	29.619.183	19.555.817		
	- Kinh phí sửa chữa nhỏ	30.000.000	25.770.000		

Ngày 24 tháng 02 năm 2023-

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Nguyễn Văn Sơn